|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH****ĐỀ CHÍNH THỨC**(Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II** **NĂM HỌC 2022-2023****Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 12** **Ban: Khoa học tự nhiên****Thời gian làm bài: 45 phút****MÃ ĐỀ: 135** |

|  |
| --- |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

 **B.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, giảm tỉ trọng thuỷ sản.

 **C.** tăng tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

 **D.** giảm tỉ trọng nông nghiệp, tăng tỉ trọng thuỷ sản.

**Câu 2.** Các cây công nghiệp hàng năm ở nước ta chủ yếu là

 **A.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, hồ tiêu, thuốc lá.

 **B.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, chè, dâu tằm, thuốc lá.

 **C.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, dừa.

 **D.** mía, lạc, đậu tương, bông, đay, cói, dâu tằm, thuốc 1á.

**Câu 3.** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

 **A.** phát triển nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

 **B.** phát triển nền kinh tế thị trường.

 **C.** hội nhập kinh tế toàn cầu.

 **D.** công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Câu 4.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với việc phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

 **A.** quỹ đất cho trồng cây công nghiệp ngày càng ít.

 **B.** mùa mưa kéo dài làm tăng nguy cơ ngập úng.

 **C.** độ dốc địa hình lớn, đất dễ bị thoái hóa.

 **D.** thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Đơn vị: Triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Thành thị | 26,46 | 30,88 | 32,64 | 35,93 |
| Nông thôn | 60,61 | 61,35 | 62,75 | 61,65 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng với số dân thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2010-2020?

 **A.** Số dân nông thôn luôn cao hơn thành thị qua các năm.

 **B.** Số dân nông thôn từ 2010-2020 giảm liên tục.

 **C.** Số dân thành thị từ 2010-2020 luôn tăng.

 **D.** Số dân nông thôn từ 2010-2020 tăng không liên tục.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

 **A.** Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Vùng Đông Nam Bộ.

 **C.** Vùng Bắc Trung Bộ. **D.** Vùng Tây Nguyên.

**Câu 7.** Ngư trường nào sau đây **không** phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?

 **A.** Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang.

 **B.** Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

 **C.** Ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh.

 **D.** Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh.

**Câu 8.** Phần lớn diện tích trồng chè ở Tây Nguyên tập trung tại tỉnh

 **A.** Lâm Đồng. **B.** Kon Tum. **C.** Đắk Lắk. **D.** Gia Lai.

**Câu 9.** Nước ta có mấy ngư trường trọng điểm?

 **A.** 4. **B.** 5. **C.** 6. **D.** 7

**Câu 10.** Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta **không** phải là ngành

 **A.** có tác động mạnh mẽ đến các ngành khác.

 **B.** mang lại hiệu quả cao.

 **C.** dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài.

 **D.** có thế mạnh lâu dài.

**Câu 11.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khu vực kinh tế Nhà nước ở Việt Nam?

 **A.** Quản lí các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt.

 **B.** Tỉ trọng giữ ổn định trong cơ cấu GDP.

 **C.** Tỉ trọng có xu hướng giảm trong cơ cấu GDP.

 **D.** Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

**Câu 12.** Cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

 **C.** Tây Nguyên. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 13.** Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

 **A.** tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

 **B.** số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

 **C.** sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

 **D.** mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

**Câu 14.** Cơ cấu ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

 **A.** Giảm tỉ trọng khu vực III. **B.** Tăng tỉ trọng khu vực I.

 **C.** Giảm tỉ trọng khu vực I. **D.** Giảm tỉ trọng khu vực II.

**Câu 15.** Thành phần kinh tế nào sau đây giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta?

 **A.** Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. **B.** Kinh tế tập thể.

 **C.** Kinh tế tư nhân. **D.** Kinh tế Nhà nước.

**Câu 16.** Cây công nghiệp lâu năm của nước ta chủ yếu là

 **A.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, thuốc lá.

 **B.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, mía.

 **C.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa, chè.

 **D.** cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dứa, lạc.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết Tây Nguyên tiếp giáp với các vùng nông nghiệp nào sau đây?

 **A.** Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

 **B.** Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy sắp xếp các trung tâm công nghiệp sau đây theo thứ tự từ Bắc vào Nam?

 **A.** Đà Nẵng, Cần Thơ, Hải Phòng. **B.** Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

 **C.** Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng. **D.** Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng.

**Câu 19.** Vùng nào sau đây có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước ta?

 **A.** Vùng duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Vùng Đông Nam Bộ.

 **C.** Vùng đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Vùng đồng bằng sông Hồng.

**Câu 20.** Điều kiện nào **không** phải là yếu tố thuận lợi để phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta?

 **A.** Vùng biển rộng, giàu tài nguyên khoáng sản.

 **B.** Có nhiều bão, áp thấp và các đợt không khí lạnh.

 **C.** Có nhiều ngư trường.

 **D.** Nhiều vũng, vịnh, đầm phá ven bờ.

**Câu 21.** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Đơn vị: Triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** |
| Thành thị | 26,46 | 30,88 | 32,64 | 35,93 |
| Nông thôn | 60,61 | 61,35 | 62,75 | 61,65 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ gia tăng số dân thành thị và nông thôn của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Kết hợp.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng trên 60% so với diện tích toàn tỉnh là

 **A.** Hà Tĩnh. **B.** Đắk Lắk. **C.** Nghệ An. **D.** Lâm Đồng.

**Câu 23.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc vùng kinh tế nào sau đây?

 **A.** Vùng Đông Nam Bộ. **B.** Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Vùng Tây Nguyên **D.** Vùng Bắc Trung Bộ.

**Câu 24.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết cây chè phân bố ở các tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Sơn La, Điện Biên, Lâm Đồng.

 **B.** Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

 **C.** Hà Giang, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

 **D.** Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lâm Đồng.

**Câu 25.** Loại rừng có diện tích lớn nhất nước ta hiện nay là

 **A.** Rừng phòng hộ. **B.** Rừng đặc dụng. **C.** Rừng trồng. **D.** Rừng sản xuất.

**Câu 26.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Cà Mau. **B.** An Giang. **C.** Đồng Tháp. **D.** Kiên Giang.

**Câu 27.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành chăn nuôi ở nước ta?

 **A.** Hình thức chăn nuôi trang trại ngày càng phổ biến.

 **B.** Sản xuất hàng hóa là xu hướng nổi bật trong chăn nuôi.

 **C.** Tỉ trọng trong sản xuất nông nghiệp ngày càng tăng.

 **D.** Số lượng tất cả các loài vật nuôi ở đều tăng ổn định.

**Câu 28.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG XI MĂNG VÀ SẮT, THÉP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2018** | **2019** | **2020** |
| Xi măng | 55801,0 | 89121,0 | 105533,3 | 109029,3 |
| Sắt, thép | 2906,4 | 12756,0 | 18342,3 | 19295,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng xi măng và sắt thép của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Miền. **C.** Tròn. **D.** Kết hợp.

**Câu 29.** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

 **A.** Đông Nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ.

 **B.** Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

 **D.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết 2 vùng chuyên canh chè lớn ở nước ta?

 **A.** Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.

 **B.** Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

 **D.** Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 31.** Ngành nào sau đây **không** được xem là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

 **A.** Sản xuất hàng tiêu dùng. **B.** Luyện kim.

 **C.** Sản xuất vật liệu xây dựng. **D.** Năng lượng.

**Câu 32.** Nhận xét nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta?

 **A.** Sản lượng khai thác luôn cao hơn nuôi trồng.

 **B.** Khai thác xa bờ đang được đẩy mạnh.

 **C.** Khai thác thủy sản nội địa chiếm tỉ trọng nhỏ.

 **D.** Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỉ trọng lớn.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

 **A.** Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. **B.** TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

 **C.** Hà Nội, Hải Phòng. **D.** Hải Phòng, Bà Rịa- Vũng Tàu.

**Câu 34.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết tỉnh có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực trên 90 %?

 **A.** Thanh Hóa. **B.** Thái Bình. **C.** Hòa Bình. **D.** Nghệ An.

**Câu 35.** Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

 **A.** khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.

 **B.** thị trường thế giới nhiều biến động.

 **C.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

 **D.** thiếu nguồn lao động.

**Câu 36.** Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

 **A.** ôn đới. **B.** nhiệt đới. **C.** cận nhiệt. **D.** xích đạo.

**Câu 37.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết vùng nào sau đây trồng nhiều cây cà phê nhất nước ta ?

 **A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 38.** Vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta là

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Bắc Trung Bộ.

 **C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây không thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.** Cầu Treo. **B.** Thanh Thủy.

 **C.** Đồng Đăng – Lạng Sơn. **D.** Móng Cái.

**Câu 40.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG SẮN CỦA CAM-PU-CHIA VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Cam-pu-chia | 11944,5 | 13386,7 | 12684,0 | 13064,5 |
| Việt Nam | 10673,7 | 11263,2 | 9397,7 | 10688,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng sắn năm 2020 so với năm 2015 của Cam-pu-chia và Việt Nam?

 **A.** Cam-pu-chia tăng, Việt Nam giảm.

 **B.** Cam-pu-chia tăng nhanh hơn Việt Nam.

 **C.** Việt Nam tăng nhanh hơn Cam-pu-chia.

 **D.** Việt Nam tăng nhiều hơn Cam-pu-chia.

-------------------Hết------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục; giám thị không giải thích gì thêm.*